

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 990/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể

quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tại Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 4374/UBND-TH ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch tỉnh đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công và dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Các dự án đầu tư công

- Tập trung triển khai thực hiện các dự án đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của Tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế tại các vùng động lực phát triển, khu vực trọng điểm phát triển của Tỉnh; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các vùng động lực.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê, kè, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

b) Các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của Tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công; thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các vùng động lực phát triển, khu vực trọng điểm phát triển của Tỉnh.

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu và đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới phục vụ nhu cầu phát triển của Tỉnh. Ưu tiên phát triển và thu hút đầu tư các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển; mở

rộng và phát triển các ngành công nghiệp hiện có theo hướng sản xuất sản phẩm tinh, sản phẩm chế biến sâu với hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường, có giá trị gia tăng cao; phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh như: Luyện kim; lọc, hóa dầu; sản xuất năng lượng; hóa chất; sản xuất sản phẩm điện tử, công nghệ số; đầu tư kinh doanh hạ tầng các Cụm công nghiệp, Khu công nghiệp...

- Phát triển mạnh mẽ dịch vụ - đô thị, logistics, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển du lịch kết hợp với nghỉ dưỡng, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị cao; tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện (MICE), nghỉ dưỡng, sinh thái với các dịch vụ đi kèm như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí, thể thao mạo hiểm.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao.

(Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025:

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025; số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất

quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

3. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để đảm bảo mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt từ 8,5% - 9%/năm theo quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Phú Yên dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 298.000 tỷ đồng, cụ thể:

| STT | Nguồn vốn | Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030 | | |
|-----|---|---|-----------------------|-----------------------|
| | | Tổng cộng | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 |
| 1 | Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹ | 64.000 | 24.000 | 40.000 |
| 2 | Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) | 234.000 | 74.000 | 160.000 |
| | Tổng số | 298.000 | 98.000 | 200.000 |

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về thu hút đầu tư phát triển

- Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Tỉnh và Trung ương. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án quan trọng, cấp bách, có tính đột phá và sức lan tỏa.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khác.

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ Trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực trụ cột phát triển của Tỉnh, nhất là các dự án trong lĩnh vực: Luyện kim; lọc, hóa dầu; sản xuất năng lượng, phát triển hạ tầng đô thị... Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế nhằm giới thiệu các chính sách, pháp luật; tăng cường quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư mới của Phú Yên. Qua đó đối thoại trực tiếp để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhà đầu tư, đánh giá chính xác tình hình đầu tư, đề ra các biện pháp, giải pháp kịp thời để cải thiện môi trường đầu tư.

- Đổi mới toàn diện công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động; tìm kiếm, mời gọi các nhà đầu tư lớn, chiến lược trong và ngoài nước để giới thiệu quảng bá môi trường đầu tư, tiềm năng, lợi thế của Tỉnh theo danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng chiến lược cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tập trung phát triển nhân lực thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như các dự án luyện kim; lọc, hóa dầu; sản xuất năng lượng... và phát triển hệ thống đô thị ven biển xanh, thân thiện môi trường.

- Tăng cường công tác đào tạo dài hạn, đào tạo chính quy tại Đại học Phú Yên và giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng đảm bảo nguồn lao động có chất lượng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật đa dạng. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo hướng thu hút đầu tư và đóng góp của doanh nghiệp và cộng đồng vào giáo dục phổ thông, đào tạo nghề ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Tăng cường gắn kết trực tiếp giữa cơ sở đào tạo và tổ chức sử dụng lao động để người lao động đáp ứng tốt các yêu cầu cụ thể của công việc.

3. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển kinh tế - xã

hội của Tỉnh. Ưu tiên bố trí ngân sách cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; phân đầu đạt mức 2% tổng chi ngân sách tại địa phương để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng thành công chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

4. Giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội

- Triển khai đồng bộ có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo, nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững có hiệu quả. Tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho hộ nghèo được tiếp cận các nguồn vốn vay từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm nhằm phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực, tự cường của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo. Bảo đảm chế độ chính sách và nâng cao đời sống của người có công.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị. Mở rộng lưới an sinh xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Thúc đẩy hóa kịp thời và tổ chức thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Phát triển các nguồn năng lượng sạch, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ thân thiện với môi

trường. Ưu tiên và có cơ chế để thực hiện xã hội hóa, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường chuyển đổi công nghệ cũ, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thân thiện với môi trường vào sản xuất; áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch hơn nhằm giảm thiểu chất thải gây hiệu ứng khí nhà kính; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa về hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Giải pháp về bảo đảm nguồn lực tài chính:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công nhất là nguồn vốn khai thác từ quỹ đất.

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử.

- Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá thu hút nguồn vốn đầu tư trong xã hội, trong đó tập trung vào các dự án lớn về phát triển hạ tầng như hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, thương mại, sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp điện, hạ tầng thông tin, truyền thông, khoa học công nghệ...

7. Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh:

- Phát triển kinh tế - xã hội địa phương từng thời kỳ gắn chặt với thế trận quân sự, khu vực phòng thủ Tỉnh phù hợp với các quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng; quy hoạch Khu quân sự, đất địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện quy hoạch sử dụng đất gắn với thế trận quân sự khu vực phòng thủ; quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là đối với các khu

vực ưu tiên bố trí công trình quốc phòng; thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhiệm vụ quốc phòng và quản lý, sử dụng hiệu quả đất quốc phòng được giao.

- Phối hợp thực hiện chặt chẽ ngay từ khâu khảo sát, quy hoạch, thiết kế, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư liên quan đến quá trình thi công xây dựng; không làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh. Tập trung phát huy thế mạnh, tiềm năng, lợi thế của Tỉnh, nhất là các dự án lớn, tạo động lực phát triển nâng cao tiềm lực của tỉnh đáp ứng các nhu cầu phát triển và quốc phòng. Bố trí các công trình quốc phòng mang tính kết hợp lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ cũng như phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh thực hiện tổ chức xây dựng lực lượng thường trực theo biên chế, chỉ tiêu quy định; không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng sự phát triển về nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện công tác huấn luyện cho lực lượng vũ trang có bản lĩnh chính trị vững vàng; có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, sáng tạo, kiên quyết, hiệu quả trong xử lý tình huống, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Bảo đảm an ninh cho các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; bảo vệ tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên; (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Công văn số 4374/UBND-TH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án dự kiến ưu tiên thực hiện; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài; chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Yên, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án, phương án phát triển các ngành, lĩnh vực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Phụ lục**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 990/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|----------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| I | Giao thông vận tải | | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến đường địa phương | | | |
| 1.1 | Đường kết nối QL1A, QL1D phía Nam hầm Cù Mông, thị xã Sông Cầu (tại Nút giao quy hoạch thị xã Sông Cầu) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 1.2 | Đường số 7 thị trấn Chí Thạnh (tại Nút giao kết nối với thị trấn Chí Thạnh) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 1.3 | Đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường cao tốc (tại Nút giao kết nối với Đường Nguyễn Hữu Thọ) | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 1.4 | QL.29 đoạn kết nối đường Cao tốc với QL.1 (tại nút giao QL29) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 1.5 | Đường kết nối Cao tốc với QL1 (tại Nút giao KCN Hoà Tâm) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 2 | Tuyến đường cao tốc Phú Yên Đắc Lắc (CT.23) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Đầu tư mở rộng các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Đầu tư mở rộng tuyến Quốc lộ 19C | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Đầu tư hoàn chỉnh tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên-Gia Lai, đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Quốc lộ 19E) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Tuyến đường bộ ven biển | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.641 và kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 9 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.645 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 10 | Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (đoạn từ Cầu Dinh Ông - ĐT.645B) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 11 | Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.648 (giai đoạn 3) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 12 | Đường ĐT.645B (Đường cơ động quốc phòng gắn với phát triển KTXH, tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn Đông Hòa-Tây Hòa) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 13 | Tuyến Xuân Phước - Phú Hải (giai đoạn 3) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 14 | Công trình đầu tư xây dựng cầu qua sông Ba (nối đô thị Phong Niên, huyện Phú Hòa với thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 15 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.642 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 16 | Tuyến đường nối dài từ ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 17 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.644 đến ĐT.647 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 18 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.646 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 19 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.647 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 20 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.649 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 21 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT.650 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 22 | Tuyến ĐT.650 nối dài (kết nối với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 23 | Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29 | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 24 | Tuyến đường từ cảng Bãi Góc (KKT Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối QL1 đi KKT Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 25 | Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông với thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 26 | Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 27 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng sân bay Cảng hàng không Tuy Hòa | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 28 | Đầu tư Khu bến Vũng Rô (thuộc Cảng biển Phú Yên) | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 29 | Đầu tư Khu bến Bãi Góc (thuộc Cảng biển Phú Yên) | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 30 | Nâng cấp bến xe liên tỉnh; xây dựng mới và nâng cấp bến xe các huyện, thị xã, thành phố | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| II | Phát triển đô thị | | | |
| 1 | Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thành phố Tuy Hòa để đạt tiêu chí đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị huyện Tuy An để đạt tiêu chí đô thị loại IV là thị xã thuộc tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 3 | Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị thị xã Sông Cầu để đạt tiêu chí đô thị loại III là thành phố thuộc tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Dự án khu đô thị mới, khu du lịch trong KKT Nam Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Khu đô thị dịch vụ ven biển thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Khu đô thị mới phường Phú Lâm và Phú Thạnh | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Khu đô thị dịch vụ ven biển Hòa Hiệp Nam | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Các khu đô thị Vĩnh Xuân Đài | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 9 | Các Khu đô thị Đầm Ô Loan | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 10 | Các khu đô thị thành phố Tuy Hòa | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 11 | Các khu đô thị phía Nam Đông Hòa | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 12 | Khu đô thị Hòa Vinh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 13 | Khu đô thị Nam Bình (giai đoạn 1) | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 14 | Khu đô thị mới phía Đông Hòa Vinh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 15 | Khu đô thị Biển Hồ - Đá Bia | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 16 | Khu dân cư dọc kè sông Ba | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|------------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| III | Công nghiệp | | | |
| 1 | Hạ tầng kết nối các CCN, các KCN | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Dự án Khu liên hợp gang thép | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Tổ hợp lọc hóa dầu | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Các dự án: thủy điện, điện mặt trời; điện gió trên bờ; điện gió ngoài khơi; Nhà máy điện sinh khối; điện rác; nhà máy sản xuất Hydro-amoniac xanh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với quy hoạch | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Các Nhà máy chế biến: thức ăn chăn nuôi; chế biến sữa; chế biến nước hoa quả xuất khẩu gắn với vùng nguyên liệu; sản xuất chế biến gạo hàng hóa chất lượng cao tại tỉnh Phú Yên; chế biến các loại trái cây, thảo dược vùng nguyên liệu... | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 7 | Đầu tư kinh doanh hạ tầng các KCN, các CCN theo quy hoạch | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| IV | Điện | | | |
| 1 | Các công trình đường dây 500kV, 220kV, 110kV theo trạm biến áp | | x | Vốn của ngành điện đầu tư |
| 2 | Các công trình trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV theo quy hoạch | | x | Vốn của ngành điện đầu tư |
| 3 | Cải tạo, nâng công suất; xây dựng mới đường dây 110kV trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố | | x | Vốn của ngành điện đầu tư |
| 4 | Các dự án lưới điện đấu nối nguồn điện | | | |
| 4.1 | <i>Trạm biến áp và đường dây 220kV²</i> | | | |
| | Trạm biến áp và Đường dây 220kV đấu nối Trang trại phong điện HBRE An Thọ giai đoạn 1. Vị trí đấu nối tại thanh cái trạm biến áp 220kV Tuy Hòa, dây dẫn sử dụng dây nhôm trần ACSR-400 mm ² , dài khoảng 11,6km. ³ | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

² Triển khai thực hiện theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Dự án có trong Bảng 4 Danh mục các công trình đường dây 220kV xây mới và cải tạo Phụ lục V tại Quyết định số 262/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 4.2 | <i>Trạm biến áp và đường dây 110kV và Trạm biếp áp và đường dây 22kV⁴</i> | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| V | Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Thể dục, thể thao | | | |
| 1 | Các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo và xây mới chợ | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Dự án đầu tư Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

⁴ Thực hiện theo Phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, trạm biến áp trong Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng phát triển hạ tầng điện của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, Công ty Điện lực Phú Yên, gồm: (1) Trạm biến áp và đường dây 110kV mạch kép đầu nối Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu giai đoạn 1. Vị trí đầu nối chuyên tiếp trên đường dây 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu, dây dẫn ACSR-400 mm², dài khoảng 5,84km; (2) Trạm biến áp và đường dây 110kV đầu nối Nhà máy điện gió xanh Nam Việt. Vị trí đầu nối tại thanh cái 110kV trạm biến áp 220kV Tuy Hòa, dây dẫn ACSR-400 mm², dài khoảng 5km; (3) Trạm biến áp 110kV công suất 32MVA và đường dây 110kV mạch kép đầu nối Nhà máy thủy điện Khe Cách. Vị trí đầu nối chuyên tiếp trên đường dây 110kV TĐ La Hiêng 2 - Sông Cầu, dây dẫn ACSR-185 mm², chiều dài khoảng 0,5km; (4) Trạm biến áp và đường dây 110kV đầu nối Nhà máy điện sinh khối của Phú Yên giai đoạn 1. Vị trí đầu nối chuyên tiếp trên đường dây 110kV TĐ La Hiêng 2 - Sông Cầu, dây dẫn ACSR-185 mm², chiều dài khoảng 0,5km; (5) Trạm biến áp và đường dây 110kV đầu nối Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An. Vị trí đầu nối tại thanh cái trạm biến áp 110kV Tuy An. dây dẫn ACSR-185 mm², chiều dài khoảng 05km; (6) Trạm biến áp công suất 2x8MVA và đường dây 22kV đầu nối Nhà máy thủy điện Sơn Hòa 2. Vị trí đầu nối tại thanh cái trạm biến áp 110kV Nhà máy thủy điện Khe Cách, dây dẫn ACSR-185 mm², chiều dài khoảng 3,5km; (7) Trạm biến áp công suất 2x6MVA và đường dây 22kV đầu nối Nhà máy thủy điện Sơn Hòa 1. Vị trí đầu nối trên xuất tuyến 472 trạm cắt Đồng Xuân cấp điện xã Xuân Quang 1, dây dẫn ACSR-185 mm², chiều dài khoảng 01km. Cải tạo nâng tiết diện đường dây 22kV lộ 472 trạm cắt Đồng Xuân cấp điện xã Xuân Quang 1 lên AC 185mm²...

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 3 | Thu hút đầu tư khoảng 3 - 4 sân Golf | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Rạng Đông - Phú Yên; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp vịnh Vũng Rô; Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Nưa; Khu công viên chuyên đề kết hợp thương mại - dịch vụ nghỉ dưỡng; Khu du lịch Biển Hồ - Đá Bia; Khu Thương mại - Dịch vụ du lịch Công viên Bầu Hà | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Triêm Đức; Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng nóng Trà Ô | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Khu du lịch Đá Bàn Hồ Mỹ Lâm; Khu du lịch suối Lạnh, Đầm Bầu Đá | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Khu vui chơi, du lịch Gành Đá Hòa Thắng, Phú Hòa | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Tổ hợp khu du lịch, văn hóa, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cao nguyên Vân Hòa | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 9 | Tổ hợp khu du lịch Vực Sông, Vực Hòm, Vực Lỗ Tròn; Khu du lịch đầm Ông Kinh - núi Mái Nhà; Khu du lịch Phú Lương; Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Ô Loan; Dự án du lịch nghỉ dưỡng Gành Đá Đĩa | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 10 | Khu du lịch nghỉ dưỡng Đầm Cù Mông | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 11 | Dự án Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 12 | Các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 13 | Trung tâm logistics tại Đông Hòa gắn với cảng cạn (ICD) phục vụ cảng Vũng Rô và cảng Bãi Gốc | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 14 | Trung tâm logistics thành phố Tuy Hòa | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 15 | Trung tâm logistics Sông Cầu gắn với khu công nghiệp Sông Cầu | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 16 | Các Trung tâm logistics gắn với các đô thị lớn của tỉnh và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| VI | Thủy lợi | | | |
| 1 | Hồ Xuân Lâm; Kè Xuân Cảnh; Kè Xuân Thịnh; Kè Xuân Thọ 1; Kè Xuân Thọ 2; Kè Bình Bá... | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Kè Ngự Hàm Thủy; Kè mở hàn hướng dòng cửa biển Lễ Thịnh; Kè, mở hàn dòng cửa biển An Hải; Kè Phú Thường; Kè An Chấn... | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Kè An Phú; Đê ngăn mặn; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Ràng mới đến cầu Đà Ràng cũ (giai đoạn 2)... | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Kè Hòa Hiệp Nam; Hòa Hiệp Trung; Kè chống xói lở khu vực cửa sông Đà Nông; Kè bờ Bắc, Bờ Nam Sông Bàn Thạch (từ Quốc lộ 1 đến đường sắt); Hồ Sông Mới; Kè bờ Nam Sông Ba - Đoạn từ cầu Đà Ràng cũ đến cầu Đà Ràng mới (Kết hợp phát triển đô thị) ... | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Hồ Suối nước nóng; Kè Hòa Phú; Kè Lạc Nghiệp; Kè Phú Thứ (giai đoạn 2)... | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|------------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 6 | Kè bảo vệ bờ tả Sông Ba tại khu vực cầu Dinh Ông, thị trấn Phú Hòa; Kè chống xói lở bờ tả sông Ba khu vực xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa (Phú Sen, Ông Tím); Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Lỗ Chài 2... | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Hồ Suối Thá (Tân Hiên); Hồ Sông Tha; Hồ Sông Bạc; Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn (giai đoạn 2)... | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Hồ chứa nước Phú Xuân 2, huyện Đồng Xuân; Hồ Suối Cối; Hồ chứa nước Phú Mỡ... | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| VII | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| 1 | Nâng cấp cảng cá Đông Tác (Cảng cá loại I - Cảng cá nghề chuyên dụng, chợ đầu giá cá nghề tỉnh Phú Yên) | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá lạch Vạn Củi xã An Ninh Tây | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòa Hiệp Nam - Hòa Hiệp Trung | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch xã An Hòa Hải - An Ninh Đông | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 5 | Cảng cá Xuân Cảnh (Loại III) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Cảng cá Mỹ Quang (Loại III) | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ các vùng nuôi biển tập trung xa bờ | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn công nghệ cao xã Xuân Bình | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 9 | Dự án Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 10 | Dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Phú Yên | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 11 | Dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2026 - 2030 | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 12 | Nghiên cứu phát triển sản xuất giống lúa chất lượng cao | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 13 | Nghiên cứu lai, chọn tạo và khảo nghiệm một số giống lúa năng suất, chất lượng cao mang thương hiệu Tuy Hòa | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 14 | Phát triển giống sắn sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 15 | Ương nuôi tôm hùm giống trong bể xi-măng | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 16 | Phát triển sản xuất giống rong biển bằng công nghệ nuôi cấy mô; nuôi thương phẩm rong biển ngoài tự nhiên tại tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 17 | Nâng cao năng lực quản lý giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 18 | Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Tuyết Diêm | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 19 | Dự án phát triển và bảo tồn làng nghề sản xuất muối hầm truyền thống Tuyết Diêm | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 20 | Dự án đầu tư nhà máy chế biến muối chất lượng cao Tuyết Diêm | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 21 | Dự án khu tái định cư thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 22 | Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Phước Huệ, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 23 | Dự án tái định cư tập trung Bãi Lách, Bãi Ngà và Suối Rô thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 24 | Khu tái định cư Dòng Cây Bút thôn Thái Long, xã An Lĩnh, huyện Tuy An | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 25 | Dự án tái định cư xen ghép thôn Thạch Khê, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 26 | Dự án tái định cư thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 27 | Khu triều cường Gành Dưa thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 28 | Dự án HTKT khu dân cư tập trung thôn Long Mỹ, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 29 | Dự án khu tái định cư xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 30 | Dự án Cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 31 | Dự án xây dựng các trang trại chăn nuôi bò thịt và gia cầm trên địa bàn | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 32 | Dự án xây dựng vùng cây ăn quả, cây dược liệu, vùng nguyên liệu chất lượng cao gắn với các nhà máy chế biến | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 33 | Dự án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng cao nguyên Vân Hòa | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 34 | Dự án Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 35 | Dự án khu nuôi trồng thủy sản vùng biển hở | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 36 | Vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-------------|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 37 | Nâng cấp và xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 38 | Xây dựng vùng nguyên liệu và Nhà máy chế biến hoa quả, đóng gói trái cây xuất khẩu | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 39 | Dự án Vùng liên kết sản xuất lúa, gạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Phú Yên | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| VIII | Văn hóa - xã hội | | | |
| 1 | Cơ sở cai nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Viện dưỡng lão và các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Trung bày Bảo tàng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2 | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 4 | Tu bổ, tôn tạo danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu di tích lịch sử Tàu Không số Vũng Rô | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 6 | Xây dựng mới Trung tâm hội nghị - Hội thảo tỉnh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Trung tâm Văn hóa, triển lãm tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Hạ tầng thiết chế văn hóa cấp tỉnh, huyện, xã | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| IX | Giáo dục - Đào tạo | | | |
| 1 | Xây dựng mới 4 trường tại thành phố Tuy Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Sông Cầu, thị xã Đông Hòa | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Nâng cấp cải tạo sửa chữa 25 trường trên địa bàn tỉnh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Trường Trung học chuẩn quốc tế, trường liên cấp chất lượng cao | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| X | Y tế | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 2 | Các bệnh viện cung cấp dịch vụ chất lượng cao | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Hệ thống các Phòng khám bệnh | x | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| XI | Thông tin truyền thông | | | |
| 1 | Đầu tư nâng cấp, xây dựng, mua sắm trang thiết bị, ứng dụng và phát triển công nghệ số để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Đầu tư hạ tầng, xây dựng thành phố (đô thị) thông minh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 3 | Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực; tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể người dân của tỉnh sử dụng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng thiết yếu của đời sống... | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----|---|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 4 | Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số cho Đài phát thanh và Truyền hình Tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở; các Đài truyền thanh xã; báo Phú Yên và hệ thống thông tin đối ngoại | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 5 | Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 6 | Thực hiện số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 7 | Hình thành khu công nghệ thông tin và chuyển đổi số | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 8 | Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quốc phòng, an ninh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 9 | Dự án Trung tâm dữ liệu và cơ sở kết nối cáp viễn thông biển trên bờ (Data Center) | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-------------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| XII | Cơ quan nhà nước | | | |
| 1 | Xây dựng Trung tâm hành chính của tỉnh | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Xây dựng khu tập trung các Trường Đại học, cao đẳng | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| XIII | Khoa học và Công nghệ | | | |
| 1 | Không gian đổi mới sáng tạo | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Yên | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| XIV | Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học | | | |
| 1 | Nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, thị xã Đông Hòa, thị xã Sông Cầu | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Khu liên hợp xử lý rác thành phố Tuy Hòa | | x | Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

| STT | Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | Nguồn vốn dự kiến |
|-----------|--|------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giai đoạn 2021 - 2025 | Giai đoạn 2026 - 2030 | |
| 3 | Khu bảo vệ cảnh quan Đèo Cả - Hòn Vọng Phu | | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| XV | Quốc phòng, an ninh | | | |
| 1 | Các công trình quốc phòng, quân sự | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |
| 2 | Các công trình an ninh | x | x | Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác |

Ghi chú:

1. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng